

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO BẰNG  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Bà Nông Thị Duyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tổng Văn Tài - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa:***  
Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T - sinh năm 1986; dân tộc: kinh.

HKTT: số nhà 83, tổ 6, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Đàm Hồng H - sinh năm 1981; dân tộc: tày.

HKTT: số nhà 83, tổ 6, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H kết hôn vào ngày 10/8/2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tiến hành lễ cưới ở một bên gia đình chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Cao Bằng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H nghiện ma túy, việc ông H nghiện ma túy làm ảnh hưởng lớn đến kinh tế gia đình, bà T đã cho ông H nhiều cơ hội để ông H cai nghiện nhưng không thành. Mâu thuẫn thường

xuân xảy ra, vợ chồng luôn cãi chửi nhau và đã xảy ra xô xát nhưng không để lại thương tích. Tại phiên tòa bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống bà T và ông H có 02 con chung tên là: Đàm Minh H (giới tính: nam) - sinh ngày 03/6/2005 và Đàm Thị Phương T sinh 03/12/2006 (giới tính: nữ). Tại Biên bản hòa giải ngày 12/3/2019 bà T và ông H thỏa thuận thống nhất con chung sẽ giao cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và Tại Biên bản hòa giải ngày 12/3/2019 ông Huy trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian và điều kiện kết hôn ông H nhất trí với ý kiến của bà T đã trình bày.

Về quá trình chung sống ông H trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc; ông H thừa nhận bản thân nghiện ma túy nhưng sẽ cố gắng cai nghiện, mong bà T cho thêm một cơ hội ông H sẽ không chơi bời, không sử dụng ma túy nữa. Ông H xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn được đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con chung. Ông H không nhất trí ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên là: Đàm Minh H (giới tính: nam) - sinh ngày 03/6/2005 và Đàm Thị Phương T - sinh 03/12/2006 (giới tính: nữ), trường hợp ly hôn ông H nhất trí con chung sẽ giao cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/3/2019 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu Đàm Minh H và cháu Đàm Thị Phương T là con chung của bà T và ông H. Qua việc lấy lời khai cháu H và cháu T đều có nguyện vọng: trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được sống trực tiếp cùng mẹ, vì mẹ là người hàng ngày lo việc ăn ở, sinh hoạt, học tập cho các cháu.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông H tại nơi cư trú là tổ 6, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2019 được biết: bà Trần Thị T và ông Đàm Hồng H có quan hệ là vợ chồng. Bà T và ông H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, phường H, thành phố C. Ông H là đối tượng nghiện hút, không có công ăn việc làm, còn bà T bán hàng hoa quả ở chợ X, thành phố C. Bản thân bà T đã đến trình báo với tổ trưởng dân phố về việc ông H đánh đập và dọa giết, sự việc này đã được tổ trưởng dân phố báo lên công an địa bàn phường Hòa Chung để nắm sự việc. Hiện nay cả bà T và ông H đều sinh sống tại tổ 6, phường H, mọi sinh hoạt hàng ngày đều do chị T lo toan và gánh vác. Theo đánh giá của địa

phương thì trường hợp bà T và ông H phải ly hôn thì bà T có điều kiện tốt hơn về việc nuôi dạy con cái.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy bà T và ông H về mặt tình cảm vợ chồng không còn, bà T yêu cầu ly hôn, ông H không nhất trí ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ gia đình nhưng không được bà T chấp thuận. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H không thể hàn gắn được, do đó cần thiết cho bà T được ly hôn với ông H. Về con chung: con có 02 con chung tên là: Đàm Minh H (giới tính: nam) - sinh ngày 03/6/2005 và Đàm Thị Phương T 03/12/2006 (giới tính: nữ), trường hợp ly hôn bà T và ông H thống nhất con chung sẽ giao cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà T và ông H đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét. Về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét.

Từ những phân tích trên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị T được ly hôn ông Đàm Hồng H; về con chung: giao con chung cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không đặt ra xem xét; về nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: bà Trần Thị T viết đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Đàm Hồng H, bị đơn là ông Đàm Hồng H có nơi cư trú tại: tổ 6, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

[2] Về hôn nhân: bà Trần Thị T và ông Đàm Hồng H kết hôn vào ngày 10/8/2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tiến hành lễ cưới

theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải và tạo điều kiện về mặt thời gian cho các bên đoàn tụ gia đình nhưng kết quả các bên không thể đoàn tụ được; tại phiên tòa hôm nay bà T giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn vì không còn tình cảm và không thể sống chung kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng; ông H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình hòa giải ông H có yêu cầu được đoàn tụ gia đình và hứa sẽ từ bỏ ma túy nhưng không được bà T chấp thuận. Vì vậy, xét thấy bà T và ông H về tình cảm vợ chồng đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng, yêu thương nhau nữa, mâu thuẫn đã xảy ra thường xuyên và liên tục, ngoài việc cãi chửi nhau còn xảy ra xô xát. Như vậy, bà T và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bốn phận của người đó, trong khi đó quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *“Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do đó, cho bà T được ly hôn với ông H theo như yêu cầu của bà T cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự thống nhất, con chung tên là: Đàm Minh H (giới tính: nam) - sinh ngày 03/6/2005 và Đàm Thị Phương T – sinh ngày 03/12/2006 (giới tính: nữ) sẽ giao cho bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của các cháu khi được lấy lời khai cũng mong muốn được sống trực tiếp với mẹ. Như vậy về con chung cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: bà Trần Thị T được ly hôn với ông Đàm Hồng H.

[2] Về con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: giao con chung tên là: Đàm Minh H (giới tính: nam) - sinh ngày 03/6/2005 và Đàm Thị Phương T – sinh ngày 03/12/2006 (giới tính: nữ) cho bà Trần Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con sau khi ly hôn: sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết;

[4] Về án phí: bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Bà T đã nộp số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2018/0000265 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, nay được trừ vào số tiền án phí bà T phải nộp. Xác nhận bà T đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: án xử công khai có mặt nguyên đơn, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nông Quốc Hùng**